

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3818 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 30 tháng 10 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ nhà ở cho người có công
với cách mạng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2017 (đợt 2)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở;

Căn cứ Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 25/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường chỉ đạo thực hiện chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 284/TTr-SXD ngày 16/10/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ về nhà ở cho người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2017 (đợt 2), cụ thể như sau:

1. Danh sách và đối tượng được hỗ trợ về nhà ở:

Tổng số hộ được hỗ trợ về nhà ở là 195 hộ (Trong đó: 32 hộ xây mới và 163 hộ cải tạo, sửa chữa).

2. Kinh phí hỗ trợ thực hiện:

Tổng kinh phí thực hiện hỗ trợ là: 4.562.700.000 đồng (gồm kinh phí hỗ trợ xây mới: 1.280.000.000 đồng; kinh phí hỗ trợ cải tạo, sửa chữa: 3.260.000.000 đồng, kinh phí quản lý 0,5%/tổng mức hỗ trợ: 22.700.000 đồng).

Toàn bộ kinh phí thực hiện hỗ trợ được cấp từ nguồn ngân sách tỉnh.

(Chi tiết theo Phụ lục I, II kèm theo).

Ngoài ra, tùy điều kiện thực tế các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa chủ động cân đối hỗ trợ thêm từ các nguồn ngân sách địa phương; huy động từ các nguồn hỗ trợ khác; tăng cường vận động gia đình, dòng họ và cộng đồng dân cư để nâng cao chất lượng nhà ở cho các hộ gia đình được hỗ trợ.

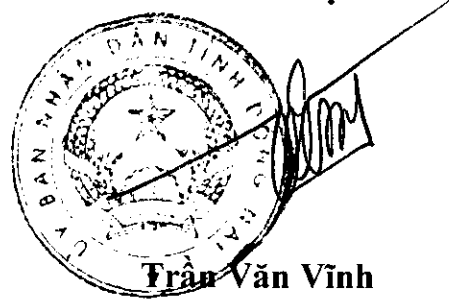
Điều 2. Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan triển khai thực hiện theo quy định. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ, Lao động Thương binh và Xã hội; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CNN, VX, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHU LỤC I

TỔNG HỢP DANH SÁCH NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG CÀN HỒ TRỢ VÊ NHÀ Ở

TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2017 (ĐỢT 2)

(Kèm theo Quyết định số 3818 /QĐ-UBND ngày 30 /10 /2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Stt	Tên huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	Tổng số hộ người có công với cách mạng được hỗ trợ về nhà ở			Tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ về nhà ở		
		Tổng số hộ	Hỗ trợ xây mới	Hỗ trợ cải tạo, sửa chữa	Tổng kinh phí	Hỗ trợ xây mới (40 triệu đồng/hộ)	Hỗ trợ cải tạo, sửa chữa (20 triệu đồng/hộ)
1	Thành phố Biên Hòa	25	0	25	500.000.000	0	500.000.000
2	Thị xã Long Khánh	18	2	16	400.000.000	80.000.000	320.000.000
3	Huyện Xuân Lộc	35	7	28	840.000.000	280.000.000	560.000.000
4	Huyện Tân Phú	5	1	4	120.000.000	40.000.000	80.000.000
5	Huyện Định Quán	21	6	15	540.000.000	240.000.000	300.000.000
6	Huyện Cẩm Mỹ	9	3	6	240.000.000	120.000.000	120.000.000
7	Huyện Trảng Bom	28	1	27	580.000.000	40.000.000	540.000.000
8	Huyện Vĩnh Cửu	8	4	4	240.000.000	160.000.000	80.000.000
9	Huyện Thống Nhất	11	6	5	340.000.000	240.000.000	100.000.000

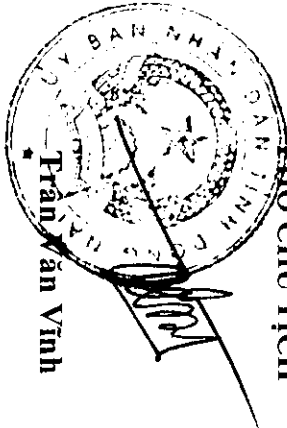
10	Huyện Nhon Trach	3	0	3	60.000.000	0	60.000.000
11	Huyện Long Thành	32	2	30	680.000.000	80.000.000	600.000.000
Tổng cộng		195	32	163	4.540.000.000	1.280.000.000	3.260.000.000

Ghi chú: Tổng kinh phí hỗ trợ nêu trên chưa bao gồm kinh phí quản lý bằng 0,5%/tổng mức hỗ trợ, tương ứng 22.700.000 đồng.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Vinh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC II
DANH SÁCH NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG CÁN HỖ TRỢ VỀ NHÀ Ở
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2017 (ĐỢT 2)
(Kèm theo Quyết định số 33818 /QĐ-UBND ngày 30 /10 /2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Stt	Họ tên người có công	Diện Người có công với cách mạng	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ về nhà ở		
				Tổng kinh phí	Xây mới (40 triệu đồng/hộ)	Cải tạo, sửa chữa (20 triệu đồng/hộ)
TỔNG CỘNG				4.540.000.000	1.280.000.000	3.260.000.000
I	THÀNH PHỐ BIÊN HÒA			500.000.000	0	500.000.000
1	Từ Văn Thắng	TB	42A, tổ 13, ấp Bình Hòa, xã Hóa An			20.000.000
2	Lê Văn Hạnh	TB	KP2, P. Long Bình Tân			20.000.000
3	Nguyễn Duy Chính	TB	KP2, P. Long Bình Tân			20.000.000
4	Phạm Văn Bình	TB	KP3, P. Long Bình Tân			20.000.000
5	Nguyễn Hữu Đồng	TB	KP3, P. Long Bình Tân			20.000.000
6	Trần Thị Báu	Vợ LS	KP3, P. Long Bình Tân			20.000.000
7	Nguyễn Bá Thành	CĐHH	KP Long Điền, P. Long Bình Tân			20.000.000
8	Lê Văn Thương	TB	180, KP11, P. An Bình			20.000.000
9	Lâm Văn Tèo	TB1/4	F15, KP6, P. Tam Hiệp			20.000.000
10	Lê Thị Phú	Mẹ LS	K1/105, KP2, P. Bửu Hòa			20.000.000
11	Lê Thị Ngọc Diệp	con LS	K2/48, KP5, P. Bửu Hòa			20.000.000
12	Nguyễn Xuân Đan	TB, HH	214 KP1, P. Tân Hiệp			20.000.000

Stt	Họ tên người có công	Diện Người có công với cách mạng	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ về nhà ở		
				Tổng kinh phí	Xây mới (40 triệu đồng/hộ)	Cải tạo, sửa chữa (20 triệu đồng/hộ)
13	Nguyễn Ngọc Sơn	TB	224, KP1, P. Tân Hiệp			20.000.000
14	Nguyễn Thế Dê	TB, HH	58b/1, KP3, P. Tân Hiệp			20.000.000
15	Mai Khắc Trọng	TB	79/17, KP1, P. Tân Hiệp			20.000.000
16	Bùi Thị Ngoat	Vợ LS	11/5, KP1, P. Tân Hiệp			20.000.000
17	Nguyễn Sĩ Biều	TB	108b, KP2, P. Tân Hiệp			20.000.000
18	Đoàn Tắt Cảnh	TB	A6, KP2, P. Tân Hiệp			20.000.000
19	Phạm Thị Minh Sáu	TB, HH	H10, KP4, P. Tân Hiệp			20.000.000
20	Nguyễn Văn Vô	con LS	xã Tam Phước			20.000.000
21	Cao Xuân Hương	con LS	xã Tam Phước			20.000.000
22	Đỗ Ngọc Đình	TB	ấp Long Khánh 1, xã Tam Phước			20.000.000
23	Nguyễn Văn Hùng	TB, HH	ấp Long Đức 1, xã Tam Phước			20.000.000
24	Ngô Văn Lớn	TB	ấp Long Khánh 2, xã Tam Phước			20.000.000
25	Nguyễn Thị Hà	BB	ấp Long Khánh 1, xã Tam Phước			20.000.000
II	THỊ XÃ LONG KHÁNH			400.000.000	80.000.000	320.000.000
1	Trần Thị Lan	HDKC	xã Bảo Quang		40.000.000	
2	Bình Thị Mười	Vợ liệt sĩ	xã Bảo Quang			20.000.000
3	Nguyễn Thị Quyên	Mẹ liệt sĩ	xã Bình Lộc			20.000.000
4	Nguyễn Thị Hóa	HDKC	xã Bình Lộc			20.000.000
5	Nguyễn Thị Lý	Con LS, HDKC	phường Xuân Bình			20.000.000
6	Ngô Xuân Trác	Con liệt sĩ	phường Xuân Bình			20.000.000

Stt	Họ tên người có công	Diện Người có công với cách mạng	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ về nhà ở		
				Tổng kinh phí	Xây mới (40 triệu đồng/hộ)	Cải tạo, sửa chữa (20 triệu đồng/hộ)
7	Phạm Văn Đức	Con Liệt sĩ	phường Xuân Bình			20.000.000
8	Lê Thị Lâm	Vợ I.S.	xã Bảo Vinh			20.000.000
9	Nguyễn Trọng	Con LS	xã Bảo Vinh			20.000.000
10	Nguyễn Thị Phước	Con LS	phường Xuân An			20.000.000
11	Nguyễn Văn Lợi	Con Liệt sĩ	phường Xuân Hòa			20.000.000
12	Mai Thị Đây	Vợ Liệt sĩ	phường Xuân Hòa			20.000.000
13	Nguyễn Thị Tuấn	Con LS	Áp Tân Phong, xã Hàng Gòn			20.000.000
14	Trần Văn Hải	HĐKC	Áp Tân Phong, xã Hàng Gòn			20.000.000
15	Nguyễn Thị Hương	HĐKC	Áp Tân Phong, xã Hàng Gòn		40.000.000	
16	Nguyễn Thị Mai	HĐKC	Áp Tân Phong, xã Hàng Gòn			20.000.000
17	Nguyễn Văn Mẫn	Thương binh	Phường Xuân Thanh			20.000.000
18	Nguyễn Thị Mai	HĐKC	Xã Suối Tre			20.000.000
III	HUYỆN XUÂN LỘC			840.000.000	280.000.000	560.000.000
1	Hồ Văn Phương	Người có công giúp đỡ cách mạng hưởng trợ cấp hàng tháng	Áp Thọ Phước, xã Xuân Thọ		40.000.000	
2	Đào Minh Sơn	Người hoạt động kháng chiến hưởng trợ cấp 01 lần	Áp Thọ Phước, xã Xuân Thọ		40.000.000	
3	Phan Lai	Thương binh	Áp Thọ Phước, xã Xuân Thọ		40.000.000	
4	Vũ Ngọc Nga	Thương binh	ấp Trung Sơn, xã Xuân Trường			20.000.000
5	Phạm Văn Vở	Bệnh binh	ấp Gia Hoà, xã Xuân Trường		40.000.000	
6	Huỳnh Văn Cội	Thương binh	ấp Trung Hưng, xã Xuân Trường			20.000.000

Stt	Họ tên người có công	Diện Người có công với cách mạng	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ về nhà ở		
				Tổng kinh phí	Xây mới (40 triệu đồng/hộ)	Cải tạo, sửa chữa (20 triệu đồng/hộ)
7	Nguyễn Thị Kết	Bệnh binh	ấp Trung Hưng, xã Xuân Trường			20.000.000
8	Nguyễn Thị Lê	Bệnh binh	ấp Trung Nghĩa xã Xuân Trường			20.000.000
9	Nguyễn Thị Mai	Con Liệt sĩ	ấp Gia Lào, xã Suối Cao		40.000.000	
10	Phạm Thị Quý	Người hoạt động kháng chiến hưởng trợ cấp 01 lần	ấp Chà Rang, xã Suối Cao		40.000.000	
11	Nguyễn Thị Nhi	Bà Mẹ Việt Nam anh hùng	ấp Bình Minh, xã Suối Cát			20.000.000
12	Nguyễn Thị Mỹ Huệ	Thương binh	ấp Suối Cát 1, xã Suối Cát			20.000.000
13	Trần Thị Thanh Xuân	Bệnh binh	ấp Việt Kiều, xã Suối Cát			20.000.000
14	Phạm Bá Hiệu	Người hoạt động kháng chiến hưởng trợ cấp 01 lần	ấp Suối Cát 2, xã Suối Cát			20.000.000
15	Nguyễn Đình Nguyên	Thương binh	ấp Suối Cát 1, xã Suối Cát			20.000.000
16	Nguyễn Minh Sang	Thương binh	ấp Suối Cát 1, xã Suối Cát			20.000.000
17	Vũ Văn Đình	Thương binh	ấp Việt Kiều, xã Suối Cát			20.000.000
18	Võ Thị Huân	Thương binh	ấp Bình Minh, xã Suối Cát			20.000.000
19	Nguyễn Việt Huy	Thương binh	ấp 3, xã Xuân Hưng			20.000.000
20	Thái Hồng Vân	Con Liệt sĩ	ấp 3, xã Xuân Hưng			20.000.000
21	Hoàng Văn Quang	Thương binh	ấp 4, xã Xuân Tâm			20.000.000
22	Nguyễn Thị Tung	Con Liệt sĩ	ấp Bình Tân, xã Xuân Phú			20.000.000
23	Lê Tuấn Mỹ	Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	ấp Bình Hoà, xã Xuân Phú			20.000.000

Stt	Họ tên người có công	Diện Người có công với cách mạng	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ về nhà ở		
				Tổng kinh phí	Xây mới (40 triệu đồng/hộ)	Cải tạo, sửa chữa (20 triệu đồng/hộ)
24	Nguyễn Văn Cường	Thương binh	ấp Bình Xuân 2, xã Xuân Phú			20.000.000
25	Lê Thị Xuân	Thương binh	ấp Bình Hoà, xã Xuân Phú			20.000.000
26	Đặng Tiến Dũng	Thương binh	ấp Chiến Thắng, xã Bảo Hoà			20.000.000
27	Trần Văn Hai	Con Liệt sĩ	ấp Bưng Cản, xã Bảo Hoà			20.000.000
28	Nguyễn Thị Sừ	Người có công giúp đỡ cách mạng hưởng trợ cấp hàng tháng	ấp Chiến Thắng, xã Bảo Hoà			20.000.000
29	Nguyễn Thị Hồng	Người hoạt động kháng chiến hưởng trợ cấp 01 lần	ấp Bưng Cản, xã Bảo Hoà		40.000.000	
30	Đỗ Trọng Nghĩa	Thương binh	ấp Hoà Hợp, xã Bảo Hoà			20.000.000
31	Hứa Duy Hòa	Thương binh	ấp 6, xã Xuân Bắc			20.000.000
32	Ngô Văn Tuyên	Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	ấp 2A, xã Xuân Bắc			20.000.000
33	Trần Văn Tảng	Thương binh	ấp 6, xã Xuân Bắc			20.000.000
34	Nguyễn Thị Lý	Bệnh binh	ấp 6, xã Xuân Bắc			20.000.000
35	Trần Văn Xuân	Bệnh binh	ấp 6, xã Xuân Bắc			20.000.000
IV	HUYỆN TÂN PHÚ			120.000.000	40.000.000	80.000.000
1	Vũ Đình Diện	CDHH	Ấp 2, xã Tà Lài		40.000.000	
2	Nguyễn Trung Can	CDHH	Ấp 4, xã Nam Cát Tiên			20.000.000
3	Nguyễn Văn Thắng	Bệnh Binh	Ấp 1, xã Nam Cát Tiên			20.000.000
4	Hồ Thị Bé	Có công cách mạng	Ấp 3, xã Phú Thịnh			20.000.000
5	Lê Văn Thọ	Cha Liệt sĩ	Ấp 3, xã Phú Điền			20.000.000

Stt	Họ tên người có công	Diện Người có công với cách mạng	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ về nhà ở		
				Tổng kinh phí	Xây mới (40 triệu đồng/hộ)	Cải tạo, sửa chữa (20 triệu đồng/hộ)
V	HUYỀN ĐỊNH QUẢN			540.000.000	240.000.000	300.000.000
1	Nguyễn Đức Tuấn	Con LS (DN 8573)	Ấp Tam Bung, Xã Phú Túc			20.000.000
2	Nguyễn Văn Khiếu	BB (DN 1663)	Ấp Suối Rút, Xã Phú Túc			20.000.000
3	Võ Ngọc Tước	TB (DN 7227)	Ấp Tân Lập, Xã Phú Túc			20.000.000
4	Trần Văn Canh	Con LS (DN 4702)	Ấp Suối Rút, Xã Phú Túc		40.000.000	
5	Triệu Quán Dân	HDKC (DN 10898)	Ấp 3, Xã Suối Nho		40.000.000	
6	Trần Thị Lý	Mẹ LS (DN 7555)	Ấp 3, Xã Phú Ngọc			20.000.000
7	Nguyễn Thị Mai	Mẹ LS (DN 11385)	Ấp 4, Xã Phú Ngọc			20.000.000
8	Huỳnh Thị Chanh	CCGĐC/M hàng tháng (DN 1439)	Ấp 4, Xã Phú Ngọc			20.000.000
9	Đào Thị Xuân	Vợ LS (DN 2375)	Ấp Hòa Thành, Xã Ngọc Định		40.000.000	
10	Hoàng Hiếu Thảo	TB (DN 7410)	Ấp 2, Xã Thanh Sơn		40.000.000	
11	Phan Minh Hùng	TB (DN 4349)	Ấp 3, Xã Gia Canh			20.000.000
12	Nguyễn Như Khanh	BB (DN 2690)	Ấp 3, Xã Gia Canh			20.000.000
13	Nguyễn Văn Quý	TB (DN 8255)	Ấp 5, Xã Gia Canh			20.000.000
14	Lê Văn Bửu	Con LS (DN 12440)	Ấp 6, Xã Gia Canh		40.000.000	
15	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Con LS (DN 2868)	Ấp 2, Xã Gia Canh			20.000.000
16	Trần Thị Triển	TB (DN 5906)	Ấp 10, Xã Gia Canh			20.000.000
17	Trần Thị Hành	HDKC (DN 9219)	Ấp 3, xã Phú Lợi			20.000.000
18	Nguyễn Thị Mao	TB (DN 8262)	Ấp Suối Soong 1, Xã Phú Vinh		40.000.000	
19	Nguyễn Thị Ngân	Vợ LS (DN 1923)	Ấp 2, Xã Phú Hòa			20.000.000
20	Ngô Xuân Lý	TB (DN 8239)	Ấp 2, Xã Phú Hòa			20.000.000

Stt	Họ tên người có công	Diện Người có công với cách mạng	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ về nhà ở		
				Tổng kinh phí	Xây mới (40 triệu đồng/hộ)	Cải tạo, sửa chữa (20 triệu đồng/hộ)
21	Nguyễn Công Giáo	Người HĐKC bị địch bắt Tù đây (ĐN 1125)	Áp 2, Xã Phú Hòa			20.000.000
VI	HUYỆN CẨM MỸ			240.000.000	120.000.000	120.000.000
1	Ngô Quang Đức	Thương binh	Áp 3, xã Sông Nhạn			20.000.000
2	Phạm Trung Đạo	HĐKC	Suối Nhát, Xã Xuân Đông		40.000.000	
3	Bùi Ngọc Hiện	HĐKC	Áp 10, xã Xuân tây			20.000.000
4	Bùi Đình Bồng	HĐKC	Áp 3, xã Xuân Tây		40.000.000	
5	Nguyễn Văn Phúc	Con liệt sỹ	Áp 1, xã Xuân Tây			20.000.000
6	Vòng Bắc Mùi	CCCM	Áp 7, xã Xuân Tây		40.000.000	
7	Vũ Thị Khánh	HĐKC	Áp 10, xã Xuân tây			20.000.000
8	Phạm Văn Khởi	Thương binh	áp 10, xã Sông Ray			20.000.000
9	Hồ Thị Ngà	Thương binh	Áp 5, xã Lâm Sơn			20.000.000
VII	HUYỆN TRẢNG BOM			580.000.000	40.000.000	540.000.000
1	Phạm Văn Luyện	Thương Binh	Xã Bắc Sơn			20.000.000
2	Nguyễn Ngọc Hồi	Thương Binh	Xã Bắc Sơn			20.000.000
3	Vũ Văn Việt	HĐKC	Xã Bắc Sơn			20.000.000
4	Trương Thị Bé Tý	Con Liệt sỹ	Xã Bắc Sơn			20.000.000
5	Nguyễn Thị Phiến	Có công cách mạng	Xã An Viễn			20.000.000
6	Nguyễn Đình Hòa	hoạt động KC	Xã An Viễn			20.000.000
7	Hà Huy Thiện	CDHH	Thị trấn Trảng Bom			20.000.000
8	Nguyễn Văn Xôi	Tù đây	Thị trấn Trảng Bom			20.000.000
9	Lê Tất Hiếu	Thương Binh, CDHH	Thị trấn Trảng Bom			20.000.000

Stt	Họ tên người có công	Diện Người có công với cách mạng	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ về nhà ở		
				Tổng kinh phí	Xây mới (40 triệu đồng/hộ)	Cải tạo, sửa chữa (20 triệu đồng/hộ)
10	Hoàng Tiến Ngự	CDHH	Xã Hồ Nai 3			20.000.000
11	Dương Thị Huệ	Bệnh Binh	Xã Tây Hòa			20.000.000
12	Nguyễn Thị Phúc	Bệnh Binh	Xã Tây Hòa			20.000.000
13	Mai Thế Thanh	Thương Binh	Xã Tây Hòa			20.000.000
14	Tô Thị Cừ	Thương binh	Xã Tây Hòa			20.000.000
15	Nguyễn Ngọc Thanh	Bệnh binh	Xã Tây Hòa			20.000.000
16	Mai Trúc	Tù đầy	Xã Thanh Bình			20.000.000
17	Miu A Mùi	Tù đầy	Xã Thanh Bình			20.000.000
18	Lê Thị Đậu	Thương Binh	Xã Sông Tràu			20.000.000
19	Thân Thị Rã	CDHH	Xã Sông Tràu			20.000.000
20	Nguyễn Đông Yên	CDHH	Xã Sông Tràu			20.000.000
21	Vân Thị Cam	HDKC	Xã Sông Tràu			20.000.000
22	Nguyễn Văn Quý	Thương binh	Xã Sông Tràu			20.000.000
23	Nguyễn Thị Sương	Thương Binh	Xã Sông Tràu			20.000.000
24	Lê Đức Thọ	Thương Binh	Xã Sông Tràu		40.000.000	
25	Lâm Thị Nga	Bệnh Binh	Xã Sông Tràu			20.000.000
26	Vũ Quốc Phòng	Thương binh	Xã Sông Tràu			20.000.000
27	Đặng Văn Giảng	Thương binh	Xã Dồi 61			20.000.000
28	Phạm Xuân Tùng	CDHH	Xã Dồi 61			20.000.000
VIII. HUYỆN VINH CỬU				240.000.000	160.000.000	80.000.000
1	Nguyễn Văn Gầu	con liệt sĩ	Tân An		40.000.000	
2	Nguyễn Thị Dung	tù đầy	Tân An		40.000.000	

STT	Họ tên người có công	Diện Người có công với cách mạng	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ về nhà ở		
				Tổng kinh phí	Xây mới (40 triệu đồng/hộ)	Cải tạo, sửa chữa (20 triệu đồng/hộ)
3	Trần Văn Sửu	thương binh	TT Vĩnh An		40.000.000	
4	Phạm Văn Quân	thương binh	TT Vĩnh An		40.000.000	
5	Nguyễn Đình Giáp	BB	Hiếu Liêm			20.000.000
6	Nguyễn Văn Nhiên	TB	Hiếu Liêm			20.000.000
7	Nguyễn Đăng Dân	CDHH	Hiếu Liêm			20.000.000
8	Hà Tiến Ích (Hà Văn Ích)	HĐKC	Hiếu Liêm			20.000.000
IX	HUYỆN THỐNG NHẤT			340.000.000	240.000.000	100.000.000
1	Phạm Văn Đình	Con LS	Áp Nam Sơn, Quang Trung		40.000.000	
2	Phan Văn Mẫn	Thương Binh	Áp Dốc Mơ 3, xã Gia Tân 1		40.000.000	
3	Nguyễn Thị Mười	Mẹ LS	Áp Dốc Mơ 3, xã Gia Tân 1			20.000.000
4	Lê Thị Ba	Con LS	Áp Hưng Nghĩa, xã Hưng Lộc		40.000.000	
5	Huỳnh Ngọc Lạp	Thương Binh	Áp 4, xã Lộ 25		40.000.000	
6	Nguyễn Thị Ngó	Có công cách mạng	Áp Xuân Thiện, xã Xuân Thiện		40.000.000	
7	Châu Thị Rê	Vợ LS	Áp Xuân Thiện, xã Xuân Thiện			20.000.000
8	Lê Minh Đường	Thương Binh	Áp Xuân Thiện, xã Xuân Thiện			20.000.000
9	Trần Hùng Lâm	Thương Binh	Áp Xuân Thiện, xã Xuân Thiện		40.000.000	
10	Nguyễn Thị Trinh	Con LS	Áp Ngô Quyền, xã Bàu Hàm 2			20.000.000
11	Vũ Ngọc Hà	Bệnh binh	Áp Lộ 25, xã Bàu Hàm 2			20.000.000
X	HUYỆN NHƠN TRẠCH			60.000.000	0	60.000.000
1	Nguyễn Thị Xinh	Mẹ LS	xã Phú Hội			20.000.000
2	Phan Văn Việt	Thương Binh	xã Phú Hội			20.000.000
3	Nguyễn Thị Sương	Con LS	xã Phú Hội			20.000.000

STT	Họ tên người có công	Diện Người có công với cách mạng	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ về nhà ở		
				Tổng kinh phí	Xây mới (40 triệu đồng/hộ)	Cải tạo, sửa chữa (20 triệu đồng/hộ)
THÀNH PHỐ LONG THÀNH				680.000.000	80.000.000	600.000.000
1	Trần Văn Hiệp	Thương binh	Khu 13, Xã Long Đức			20.000.000
2	Huỳnh Văn Diệu	Con LS	Khu 12, Xã Long Đức			20.000.000
3	Nguyễn Thị Lê	Con LS	Khu 12, Xã Long Đức			20.000.000
4	Phan Thị Thu	Con LS	Khu 12, Xã Long Đức			20.000.000
5	Đặng Vũ Mai	Thương binh	Khu 12, Xã Long Đức			20.000.000
6	Nguyễn Thị Lê	con LS	Khu 13, Xã Long Đức			20.000.000
7	Lương Thị Hoa	BB-CDHH	Ấp 01, Xã Bình Sơn			20.000.000
8	Trần Thị Chắc	BB	Ấp 02, Xã Bình Sơn			20.000.000
9	Nguyễn Thanh Sơn	TB	Ấp 10, Xã Bình Sơn			20.000.000
10	Nguyễn Văn Long	CDHH	Ấp 02, Xã Bình Sơn		40.000.000	
11	Trịnh Văn Toàn	Tù đầy	Ấp 3, Xã Bình Sơn			20.000.000
12	Trần Văn Chanh	TB	Ấp 2, xã Cẩm Đường			20.000.000
13	Nguyễn Xuân Tít	TB	Ấp Suối Quýt, xã Cẩm Đường			20.000.000
14	Trần Văn Quả	TB	Ấp 1, xã Cẩm Đường			20.000.000
15	Trần Văn Long	Tù đầy	Ấp An Viễn, xã Bình An			20.000.000
16	Đặng Hải Dương	BB	Ấp An Bình, xã Bình An			20.000.000
17	Phạm Văn Phòng	TB	Ấp An Viễn, xã Bình An			20.000.000
18	Trần Đức Thiện	TB	Ấp An Viễn, xã Bình An			20.000.000
19	Huỳnh Văn Minh	Thương binh	Ấp Đất Mới, xã Long Phước		40.000.000	
20	Nguyễn Thị Mùi	Mẹ LS	Xóm Gò - Bà Ký, xã Long Phước			20.000.000
21	Nguyễn Đức Dong	Thương binh	Ấp 2, Xã Bàu Cạn			20.000.000

Stt	Họ tên người có công	Diện Người có công với cách mạng	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ về nhà ở		
				Tổng kinh phí	Xây mới (40 triệu đồng/hộ)	Cải tạo, sửa chữa (20 triệu đồng/hộ)
22	Hà Thanh Chương	Bệnh binh	ấp 2, Xã Bàu Cạn			20.000.000
23	Trần Dương Mộc	Thương binh	ấp 8, Xã Bàu Cạn			20.000.000
24	Vũ Quang Phi	Thương binh	ấp 3, Xã Bàu Cạn			20.000.000
25	Bùi Thị Lai	Thương binh	ấp 1, xã Tân Hiệp			20.000.000
26	Phạm Văn Bốn	Thương binh	ấp 2, xã Tân Hiệp			20.000.000
27	Bùi Đức Duy	Thương binh	ấp 4, xã Tân Hiệp			20.000.000
28	Trần Tuấn Kiệt	Thương binh	ấp 1, xã Tân Hiệp			20.000.000
29	Nguyễn Thị Hương	Con LS	ấp 7, Xã Phước Bình			20.000.000
30	Trần Văn Rừng	BB	ấp 6, Xã Phước Bình			20.000.000
31	Vũ Văn Điểm	BB	ấp 6, Xã Phước Bình			20.000.000
32	Nguyễn Thị Trang	Mẹ VNAH	ấp 6, Xã Phước Bình			20.000.000

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

